

A. Kiến thức cần nhớ

1. Cấu tạo số có hai chữ số

Mỗi số có hai chữ số đều được tạo thành từ các chữ số ở hàng chục và hàng đơn vị.

- Số đứng bên trái là số chỉ **hàng chục**.
- Số đứng bên phải là số chỉ **hàng đơn vị**.

Ví dụ:

- Số **47** gồm **4 chục** và **7 đơn vị**. Ta viết: $47 = 40 + 7$.
- Số **82** gồm **8 chục** và **2 đơn vị**. Ta viết: $82 = 80 + 2$.

2. Đặt tính thẳng cột

Đây là quy tắc quan trọng nhất khi thực hiện phép tính cộng và trừ. Khi đặt tính, các con phải viết các số sao cho:

- Hàng đơn vị thẳng cột với hàng đơn vị.
- Hàng chục thẳng cột với hàng chục.
- Viết dấu phép tính (+ hoặc -) ở bên trái, giữa hai số.
- Kẻ một gạch ngang bên dưới thay cho dấu bằng.

B. Phép cộng không nhớ trong phạm vi 100

1. Phép cộng số có hai chữ số với số có một chữ số

Cách thực hiện: Chúng ta thực hiện phép tính từ phải sang trái, bắt đầu từ hàng đơn vị.

- Bước 1: Đặt tính.** Viết số có hai chữ số ở trên, số có một chữ số ở dưới sao cho hàng đơn vị thẳng cột với nhau.
- Bước 2: Tính.** Cộng các số ở hàng đơn vị trước, sau đó hạ số ở hàng chục xuống.

Ví dụ 1: Tính $35 + 4$

Đặt tính:

$$\begin{array}{r} 35 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$$

Tính:

- 5 cộng 4 bằng 9, viết 9 (thẳng cột đơn vị).
- Hạ 3, viết 3 (thẳng cột chục).

Kết quả: $35 + 4 = 39$

Ví dụ 2: Tính $61 + 8$

Đặt tính:

$$\begin{array}{r} 61 \\ + 8 \\ \hline \end{array}$$

Tính:

- 1 cộng 8 bằng 9, viết 9.
- Hạ 6, viết 6.

Kết quả: $61 + 8 = 69$

2. Phép cộng số có hai chữ số với số có hai chữ số

Cách thực hiện: Tương tự, ta cộng từ phải sang trái.

1. **Bước 1: Đặt tính.** Viết hai số thẳng cột với nhau (đơn vị thẳng đơn vị, chục thẳng chục).
2. **Bước 2: Tính.** Cộng hàng đơn vị với nhau, sau đó cộng hàng chục với nhau.

Ví dụ 1: Tính $42 + 26$

Đặt tính:

$$42 + 26 \quad \text{----}$$

Tính:

- 2 cộng 6 bằng 8, viết 8.
- 4 cộng 2 bằng 6, viết 6.

Kết quả: $42 + 26 = 68$

Ví dụ 2: Tính $73 + 15$

Đặt tính:

$$73 + 15 \quad \text{----}$$

Tính:

- 3 cộng 5 bằng 8, viết 8.
- 7 cộng 1 bằng 8, viết 8.

Kết quả: $73 + 15 = 88$

C. Phép trừ không nhớ trong phạm vi 100

1. Phép trừ số có hai chữ số cho số có một chữ số

Cách thực hiện: Ta thực hiện phép tính từ phải sang trái, bắt đầu từ hàng đơn vị.

1. **Bước 1: Đặt tính.** Viết số bị trừ ở trên, số trừ ở dưới sao cho hàng đơn vị thẳng cột.
2. **Bước 2: Tính.** Trừ các số ở hàng đơn vị trước, sau đó hạ số ở hàng chục xuống.

Ví dụ 1: Tính $58 - 6$

Đặt tính:

58 - 6 ----

Tính:

- 8 trừ 6 bằng 2, viết 2.
- Hạ 5, viết 5.

Kết quả: $58 - 6 = 52$

Ví dụ 2: Tính $97 - 5$

Đặt tính:

$$\begin{array}{r} 97 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$$

Tính:

- 7 trừ 5 bằng 2, viết 2.
- Hạ 9, viết 9.

Kết quả: $97 - 5 = 92$

2. Phép trừ số có hai chữ số cho số có hai chữ số

Cách thực hiện: Ta trừ từ phải sang trái.

1. **Bước 1: Đặt tính.** Viết số bị trừ và số trừ thẳng cột với nhau.
2. **Bước 2: Tính.** Trừ hàng đơn vị trước, sau đó trừ hàng chục.

Ví dụ 1: Tính $89 - 34$

Đặt tính:

$$\begin{array}{r} 89 \\ - 34 \\ \hline \end{array}$$

Tính:

- 9 trừ 4 bằng 5, viết 5.
- 8 trừ 3 bằng 5, viết 5.

Kết quả: $89 - 34 = 55$

Ví dụ 2: Tính $65 - 21$

Đặt tính:

$$\begin{array}{r} 65 \\ - 21 \\ \hline \end{array}$$

Tính:

- 5 trừ 1 bằng 4, viết 4.
- 6 trừ 2 bằng 4, viết 4.

Kết quả: $65 - 21 = 44$

D. Các dạng bài tập vận dụng

1. Dạng 1: Đặt tính rồi tính

Đây là dạng bài cơ bản nhất, yêu cầu các con thực hiện đúng 2 bước: Đặt tính thẳng cột và Tính từ phải sang trái.

Ví dụ:

- a) $72 + 5$
- b) $31 + 48$
- c) $68 - 7$
- d) $99 - 56$

2. Dạng 2: Tính nhẩm (với các số tròn chục)

Với các số tròn chục (10, 20, 30,...), các con có thể nhẩm nhanh.

Cách làm: Cộng hoặc trừ các số chục với nhau, sau đó thêm số 0 vào cuối.

Ví dụ 1: $40 + 20 = ?$

- Nhẩm: 4 chục + 2 chục = 6 chục
- Vậy: $40 + 20 = 60$

Ví dụ 2: $80 - 50 = ?$

- Nhẩm: 8 chục - 5 chục = 3 chục
- Vậy: $80 - 50 = 30$

3. Dạng 3: Toán có lời văn

Để giải bài toán có lời văn, các con hãy làm theo các bước sau:

1. **Bước 1:** Đọc kỹ đề bài để hiểu câu hỏi là gì.
2. **Bước 2:** Tóm tắt đề bài (ghi ra những gì đã biết và cần tìm).
3. **Bước 3:** Suy nghĩ xem nên dùng phép tính cộng hay trừ.
 - Các từ như "tất cả", "tổng cộng", "thêm vào" thường dùng phép cộng.
 - Các từ như "còn lại", "ít hơn", "bớt đi" thường dùng phép trừ.
4. **Bước 4:** Viết bài giải gồm: Lời giải, Phép tính và Đáp số.

Ví dụ 1 (Phép cộng): Trong vườn có 25 cây táo và 12 cây cam. Hỏi trong vườn có tất cả bao nhiêu cây?

Tóm tắt:

Cây táo: 25 cây

Cây cam: 12 cây

Tất cả: ... cây?

Bài giải:

Trong vườn có tất cả số cây là:

$$25 + 12 = 37 \text{ (cây)}$$

Đáp số: 37 cây

Ví dụ 2 (Phép trừ): Đàn gà nhà em có 48 con, mẹ đã bán đi 15 con. Hỏi đàn gà nhà em còn lại bao nhiêu con?

Tóm tắt:

Có: 48 con gà

Bán đi: 15 con gà

Còn lại: ... con gà?

Bài giải:

Đàn gà nhà em còn lại số con là:

$$48 - 15 = 33 \text{ (con)}$$

Đáp số: 33 con gà